

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/DS-ST

Ngày: 11-4-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Tiên và ông Đoàn Văn Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt D)

*Trụ sở chính:* Số A, P, phường C, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Thanh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Đại diện theo uỷ quyền:* Ông Nguyễn A – Tổng Giám đốc

*Đại diện theo uỷ quyền lại:* Ông Bạch Ngọc H – Giám đốc phòng G.

*Đại diện theo uỷ quyền lại:* Bà Lâm Thị Bảo P, sinh năm 1985 là Nhân viên Ngân hàng TMCP Đ, Chi nhánh A1, phòng G. Theo giấy uỷ quyền ngày 18/11/2022 (có mặt).

*Địa chỉ:* Số H T, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Bà Châu Thị Thu H1, sinh năm 1986 (vắng mặt).

*Nơi cư trú:* Tổ 04, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1981 (vắng mặt).

*Nơi cư trú:* Tổ 04, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 18/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ngân hàng TMCP Đ (do bà Lâm Thị Bảo P đại diện theo uỷ quyền) trình bày:*

Ngày 16/11/2020 giữa ngân hàng TMCP Đ1 (D) với bà Châu Thị Thu H1 có ký hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00838976/0161807201T2009 (theo hình thức hỗ trợ vốn, cho vay tín chấp cho thành viên hội phụ nữ của xã B). Bà H1 là thành viên của Hội phụ nữ xã B, bà H1 vay của DAB số tiền vốn gốc 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 16/11/2020 đến ngày 16/11/2021), mục đích vay là để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình vay bà H1 có trả cho DAB số tiền vốn, lãi tính đến ngày 07/7/2021 tổng cộng là 13.300.000 đồng. Trong đó, trả vốn gốc 11.361.538 đồng, trả lãi trong hạn 1.938.462 đồng. Từ ngày 08/7/2021 thì ngưng trả tiền vốn, lãi cho đến nay. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, phía DAB đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay DAB yêu cầu bà Châu Thị Thu H1 phải trả cho DAB số tiền vốn, lãi tạm tính đến ngày 11/4/2023 tổng cộng là 11.791.807 đồng (Mười một triệu bảy trăm chín mươi một nghìn tám trăm lẻ bảy đồng). Trong đó, vốn gốc 8.638.462 đồng, lãi trong hạn 461.538 đồng, lãi quá hạn 2.691.807 đồng. Đồng thời, DAB yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 12/4/2023 đến khi bà H1 trả xong nợ cho DAB theo lãi suất quá hạn đối với số tiền nợ gốc chưa trả theo quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00838976/0161807201T20009 ngày 16/11/2020. Trường hợp bà H1 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho D thì yêu cầu ông Nguyễn Văn H2 (người bảo lãnh) phải trả nợ thay cho bà H1 cho đến khi hết nợ.

*Bị đơn bà Châu Thị Thu H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H2 được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án để tham gia các tiến trình tố tụng của Toà án thực hiện theo quy định của pháp luật và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Đ.*

*Tại phiên tòa,*

- Bà Lâm Thị Bảo P trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bà Châu Thị Thu H1 phải trả cho DAB số tiền vốn, lãi tạm tính đến ngày 11/4/2023 tổng cộng là 11.791.807 đồng (Mười một triệu bảy trăm chín mươi một nghìn tám trăm lẻ bảy đồng). Trong đó, vốn gốc 8.638.462 đồng, lãi trong hạn 461.538 đồng, lãi quá hạn 2.691.807 đồng. Đồng thời, DAB yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 12/4/2023 đến khi bà H1 trả xong nợ cho DAB theo lãi suất quá hạn trên số tiền vốn gốc còn nợ được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00838976/0161807201T20009 ngày 16/11/2020. Ngoài ra, DAB xin rút lại yêu cầu đối với ông Nguyễn Văn H2 (người bảo lãnh) phải trả nợ thay cho bà H1

cho đến khi hết nợ trong trường hợp bà H1 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho D.

- Bị đơn bà Châu Thị Thu H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H2 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, người tham gia tố tụng trong quá giải quyết vụ án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bà P là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên toà. Đối với bị đơn bà H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H2 Toà án đã triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng đầy đủ và đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về quan điểm giải quyết vụ án:* Theo hợp đồng tín dụng thể hiện các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện thoả thuận và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận là vi phạm hợp đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả một lần toàn bộ số tiền vốn, lãi tính đến ngày 11/4/2023 tổng cộng là 11.791.807 đồng (Mười một triệu bảy trăm chín mươi một nghìn tám trăm lẻ bảy đồng). Trong đó, vốn gốc 8.638.462 đồng, lãi trong hạn 461.538 đồng, lãi quá hạn 2.691.807 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 12/4/2023 đến khi bà H1 trả xong nợ cho DAB theo lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00838976/0161807201T20009 ngày 16/11/2020. Đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của D về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H2 trả nợ thay cho bà Châu Thị Thu H1. Về án phí: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

*[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng; Bị đơn bà H1 có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà P có mặt. Bị đơn bà H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H2 vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] DAB yêu cầu bà Châu Thị Thu H1 phải trả một lần số tiền vốn lãi tính đến ngày 11/4/2023 tổng cộng là 11.791.807 đồng. Trong đó, nợ gốc 8.638.462 đồng, lãi trong hạn 461.538 đồng, lãi quá hạn 2.691.807 đồng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 12/4/2023 đến khi bà H1 trả xong nợ cho DAB theo lãi suất quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa trả theo quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00838976/0161807201T20009 ngày 16/11/2020. Về phía bà H1, ông H2 Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H1, ông H2 vẫn không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình hoặc có ý kiến phản đối nội dung trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00838976/0161807201T20009 ngày 16/11/2020, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 03/11/2020, bảng dự tính thu theo RULE78, Hội đồng xét xử nhận định: Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa bà H1 với D là ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 94 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên D yêu cầu bà H1 trả vốn lãi nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án DAB yêu cầu ông Nguyễn Văn H2 (người bảo lãnh) phải trả nợ thay cho bà H1 cho đến khi hết nợ trong trường hợp bà H1 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho D. Tuy nhiên, tại phiên toà bà P là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu này. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là sự tự nguyện của đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của D đối với ông H2 trả nợ thay cho bà H1.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 94 và Điều 95 của luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đối với bị đơn bà Châu Thị Thu H1.

- Buộc bà Châu Thị Thu H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vốn, lãi tính đến ngày 11/4/2023 tổng cộng là 11.791.807 (Mười một triệu bảy trăm chín mươi một nghìn tám trăm lẻ bảy đồng). Trong đó, nợ gốc 8.638.642 đồng, lãi trong hạn 461.538 đồng, lãi quá hạn 2.691.807 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (12/4/2023), bà Châu Thị Thu H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00838976/0161807201T20009 ngày 16/11/2020 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Trường hợp trong hợp đồng các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục trả cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H2 trả nợ thay cho bà Châu Thị Thu H1.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thị Thu H1 phải chịu 590.000 đồng (Năm trăm chín mươi nghìn đồng) (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005094 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đường sù;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Cẩm Xuyên**